TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2022/DS-ST.
Ngày: 12.12.2022.
V/v "*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy HĐ tặng cho quyền sử đụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG N

- Th phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung Thiêng.
2. Bà Hứa Thị Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy HĐ tặng cho quyền sử dụng đất, hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-DS ngày 14.9.2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 26/9/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị C, sinh năm 1962, Địa chỉ: Thôn T, xã Ph, huyện Sóc Sơn, Th phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh Lê Đình Q, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn N, xã Duy Th, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1941;
2. Ông Lê Đình N, sinh năm 1966.
3. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970.
4. Ông Lê Đình Đ, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Ph, huyện Sóc Sơn, Th phố Hà Nội.

5. Bà Lê Thị L, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn N, xã Duy Th, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng N.

6. Uỷ ban nhân dân xã Duy Th.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn V – Chủ tịch UBND.

7. Uỷ ban nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Xuân C – Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Minh C – Phó trưởng phòng TN-MT huyện Duy Xuyên.

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/5/2021, trong các phiên hoà giải cũng như tại phiên toà, nguyên đơn là bà Lê Thị C trình bày: Cha bà là ông Lê Đình Th (Sinh năm 1930 – Chết năm 2004) và mẹ bà là bà Nguyễn Thị Kh kết hôn vào năm 1961 và sinh được 05 người con gồm: Lê Thị C, Lê Đình N, Lê Thị Th, Lê Đình Đ và Lê Đình X. Cha mẹ ông Th đã chết trước năm 1975. Năm 1984, ông Lê Đình Th cùng bà Nguyễn Thị Kh từ ngoài Bắc về lại Duy Xuyên để lập nghiệp và đã tạo dựng được một ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.421m^2, qua đo đạc thẩm định diện tích là 1.412m^2. Thửa đất này có nguồn gốc do Hợp tác xã Duy Th cấp cho ông Th và bà Kh. Ông Th và bà Kh đã xây dựng nhà tranh tre trên đất. Sau khi làm nhà xong, bà Kh về ngoài Bắc để đưa các con vào nhưng các con không Đ ý nên bà Kh ở lại ngoài Bắc để chăm sóc các con. Năm 1989, ông Lê Đình Th và bà Lê Thị L sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 1990, ông Th và bà L xin một người con nuôi là anh Lê Đình Q. Năm 2005, ông Th chết không để lại di chúc. Năm 2006, ông Lê Đình X chết, ông X không có vợ con. Ngày 22/01/2018, bà Kh, bà C, ông N, bà Th, ông Đ cùng với bà L, anh Q đã đến UBND xã Duy Th lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Tuy nhiên sau khi lập văn bản, ông Q không làm theo thỏa thuận nên bà C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo Văn bản thỏa thuận. Sau đó bà C bổ sung yêu cầu khởi kiện, bà C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Đình Th trong khối tài sản chung của vợ chồng ông Th là ½ diện tích thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, thôn Nhơn bồi, xã Duy Th. ½ thửa đất còn lại là quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Kh.

Đ thời bà C yêu cầu hủy các Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018 và Hủy Hợp Đ tặng cho quyền sử dụng đất đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018 để chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Lê Đình Th, bà C yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trống. Đối với phần đất có nhà ở qua đo đạc thẩm định là 447m^2, bà giao cho anh Q và bà L là phần anh Q được hưởng thừa kế của ông Th và phần công sức đóng góp cho bà L.

Tại biên bản lấy L khai ngày 11/5/2021, được bổ sung tại các biên bản hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay, bị đơn là anh Lê Đình Q trình bày: Cha anh là ông Lê Đình Th (chết năm 2005) và mẹ anh là bà Lê Thị L sống chung với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Cha mẹ anh không có con chung. Đến năm 1990, ông Th bà L đã nhận anh làm con nuôi và đi đăng ký khai sinh cho anh theo quy định. Cha mẹ anh chung sống đến năn 1995 thì bỏ tiền ra mua một thửa

đất tại thôn Nhơn Bồi. Đến năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9 diện tích 1.420m^2 tại thôn Nhơn Bồi, xã Duy Th. Năm 2004, ông Lê Đình Th chết không để lại di chúc. Anh Q thừa nhận bà C, ông N, bà Th, ông Đ là những người con của ông Th và bà Kh. Nay bà C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Th để lại là ½ diện tích của thửa đất số 515. Anh Q thống nhất chia tài sản của ông Th nhưng yêu cầu Tòa án xác định phần di sản thừa kế của ông Th là 1/3 diện tích thửa đất số 515 vì thửa đất trên được cấp cho hộ gia đình ông Lê Đình Th, bà Lê Thị L và anh Lê Đình Q. Anh Q thống nhất hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018 và Hủy Hợp Đ tặng cho quyền sử dụng đất đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018. Đối với phần quyền sử dụng đất mà anh Q và bà L được chia, anh yêu cầu được nhận bằng hiện vật và anh yêu cầu giao quyền sử dụng chung cho anh và bà L vì hiện nay trên thửa đất đang tồn tại ngôi nhà của anh và bà L.

Tại văn bản trình bày ngày 06/5/2021, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đình N, Lê Thị Th, Lê Đình Đ thống nhất trình bày: Về hàng thừa kế và di sản thừa kế ông thống nhất như L trình bày của bà C. Thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.421m^2, qua đo đạc thẩm định diện tích 1.412m^2. Thửa đất này có nguồn gốc do Hợp tác xã Duy Th cấp cho ông Th và bà Kh. Các ông bà yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Th để lại là ½ thửa đất. Các ông bà yêu cầu nhận bằng hiện vật. Các ông bà thống nhất với yêu cầu của bà Lê Thị C về việc yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018 và Hủy Hợp Đ tặng cho quyền sử dụng đất đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018 để chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Lê Đình Th.

Tại văn bản trình bày ngày 06/5/2021 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kh trình bày: Thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.420m^2. Thửa đất này có nguồn gốc do Hợp tác xã Duy Th cấp cho ông Th và bà Kh vào năm 1980. Về hàng thừa kế và di sản thừa kế ông thống nhất như L trình bày của bà C. Ông Th chết không để lại di chúc nên bà Đ ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Th là ½ diện tích đất theo pháp luật. Đối với ½ diện tích đất còn lại, bà Kh yêu cầu Tòa án công nhận thuộc quyền sở hữu của bà nhưng bà Kh tự nguyện chia cho bà L phần diện tích đất 345,6m ^{2} vì bà L đã sinh sống trên thửa đất từ năm 1989 đến nay.

Tại văn bản trình bày ngày 05/8/2022, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Duy Th, huyện Duy Xuyên trình bày: Ngày 22/01/2018, UBND xã Duy Th có chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được ngày 22/01/2018 và Hủy Hợp Đ tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh Lê Đình Q, bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị Kh, bà Lê Thị C, Lê Đình N, Lê Thị Th, Lê Đình Đ. Nay bà Lê Thị C yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018 và Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng

đất đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018. UBND xã Duy Th thống nhất theo yêu cầu của bà C.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 28/10/2022, đại diện UBND huyện Duy Xuyên trình bày: Về tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Đình Th, thực hiện hiện Nghị định 64/CP ông Lê Đình Th đại diện hộ gia đình kê khai đăng ký tại Sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9. Đối với việc xác định quyền sử dụng đất của cá nhân hay hộ gia đình, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội Đ xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật qui định. Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đã được thực hiện đúng quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Khoảng thời gian từ năm 1982 đến năm 1984, ông Lê Đình Th và vợ là bà Nguyễn Thị Kh từ ngoài Bắc về quê Duy Xuyên sinh sống. Hợp tác xã Duy Th đã cấp cho ông Th và Kh một thửa đất để làm nhà ở. Ông Th bà Kh đã tôn tạo, đắp nền và làm nhà tạm trên đất. Sau đó do điều kiện quá khó khăn nên bà Kh đã ra Bắc sống cùng các con. Ông Th tiếp tục sinh sống trên thửa đất. Năm 1995, UBND Huyện Duy Xuyên cấp GCNQSD đất cho hộ ông Lê Đình Th đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9 diện tích đo đạc thực tế 1.412m^2 tại thôn Nhơn Bồi. Tại thời điểm năm 1995, hộ ông Th gồm có ông Th, bà L, anh Q. Tuy nhiên xét về nguồn gốc đất thì thửa đất này ông Th đã tạo lập được từ trước thời điểm bà L về chung sống. Bà L cũng thừa nhận điều này. Qua xác minh những người đã từng công tác tại HTX Duy Th cũng xác nhận nội dung như trên. Do đó có đủ căn cứ xác định di sản thừa kế của ông Lê Đình Th là thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9 thôn Nhơn Bồi, xã Duy Th. Năm 2005, ông Th chết không để lại di chúc nên di sản của ông Th được chia theo pháp luật. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Th gồm bà Nguyễn Thị Kh, bà Lê Thị C, ông Lê Đình N, bà Lê Thị Th, ông Lê Đình Đ và anh Lê Đình Q. Bà Lê Thị L mặc dù chung sống với ông Th từ năm 1989 nhưng không được công nhận là hôn nhân hợp pháp nên bà L không phải vợ ông Th, không phải là người thừa kế của ông Th. Do đó đề nghị HĐXX xem xét chia di sản của ông Th cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Th theo quy định của pháp luật. Do bà L đã sinh sống trên thửa đất từ năm 1989 nên cần xem xét cho bà L phần công sức đóng góp tôn tạo thửa đất như sự tự nguyện của bà Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn là anh Lê Đình Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, bà L theo qui định tại điểm b khoản 2 điều 227

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lê Thị C vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C theo qui định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ông Lê Đình Th (Sinh năm 1930 – chết năm 2004) và bà Nguyễn Thị Kh kết hôn vào năm 1961 và sinh được 05 người con gồm: Lê Thị C, Lê Đình N, Lê Thị Th, Lê Đình Đ và Lê Đình X. Cha mẹ ông Th đã chết trước năm 1975. Năm 1989, ông Lê Đình Th và bà Lê Thị L sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 1990, ông Th và bà L xin một người con nuôi là anh Lê Đình Q, anh Q đã được đăng ký khai sinh theo quy định. Năm 2004, ông Lê Đình Th chết, không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế của ông Th là năm 2004. Như vậy những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Đình Th là bà Nguyễn Thị Kh, Lê Thị C, Lê Đình N, Lê Thị Th, Lê Đình Đ, Lê Đình X và anh Lê Đình Q. Năm 2006 ông Lê Đình X chết, ông X không có vợ con.

Khoảng thời gian từ năm 1982 đến năm 1984, ông Lê Đình Th và vợ là bà Nguyễn Thị Kh từ ngoài Bắc về quê Duy Xuyên sinh sống. Hợp tác xã Duy Th đã cấp cho ông Th và Kh một thửa đất để làm nhà ở. Ông Th bà Kh đã tôn tạo, đắp nền và làm nhà tạm trên đất. Sau đó do điều kiện quá khó khăn nên bà Kh đã ra Bắc sống cùng các con. Năm 1995, UBND Huyện Duy Xuyên cấp GCNQSD đất cho hộ ông Lê Đình Th đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9 diện tích 1.420m^2 tại thôn Nhơn Bồi. Tại thời điểm năm 1995, hộ ông Th gồm có ông Th, bà L, anh Q. Tuy nhiên xét về nguồn gốc đất thù thửa đất này ông Th đã tạo lập được từ trước thời điểm bà L về chung sống. Bà L cũng thừa nhận điều này. Qua xác minh những người đã từng công tác tại HTX Duy Th cũng xác nhận nội dung như trên. Như vậy tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giữa ông Th và bà Kh tồn tại quan hệ hôn nhân từ năm 1961 nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9 là tài sản chung của ông Th và bà Kh.

Năm 2004, ông Th chết không để lại di chúc do đó di sản của ông Th được chia thừa kế theo pháp luật. Di sản của ông Lê Đình Th là ½ diện tích thửa đất số thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9. ½ diện tích đất còn lại thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Kh.

Ngày 08/6/2021, Hội Đ định giá do Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên Th lập đã xác định thửa đất thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9 diện tích 1.412m^2 có tổng giá trị **3.615.829.800** Đ, trong đó đất thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông có giá trị 81.829.800 Đ; đất ở bị che khuất sau đất quy hoạch giao thông có giá trị 3.534.000.000 Đ. Như vậy, di sản của ông Lê Đình Th là quyền sử dụng đất có diện tích 706m^2 có giá trị theo định giá là 3.615.829.800 Đ : 2 = 1.807.914.900 Đ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn sống tại thời điểm mở thừa kế (năm 2004) là bà Nguyễn Thị Kh, Lê Thị C, Lê Đình N, Lê Thị Th, Lê Đình Đ, ông Lê Đình X và anh Lê Đình Q. Như vậy, bà Nguyễn Thị Kh, Lê Thị C, Lê Đình N, Lê Thị Th, Lê Đình Đ, ông Lê Đình X và anh Lê Đình Q mỗi người được hưởng một kỷ phần là 101.4 m^2 có giá trị theo định giá là 258.273.558 Đ.

Năm 2006, ông Lê Đình X chết. Ông X không có vợ con nên kỷ phần ông được hưởng thừa kế từ ông Lê Đình Th được giao cho bà Kh là mẹ ruột của ông được hưởng thừa kế theo pháp luật.

Bà Lê Thị L chung sống với ông Lê Đình Th từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại thời điểm ông Th và bà L chung sống thì ông Th đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với bà Nguyễn Thị Kh nên bà L không phải là vợ hợp pháp của ông Th và bà L không phải là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Đình Th. Tuy nhiên, bà L đã sống trên thửa đất từ năm 1989 đến nay, có công sức tôn tạo giữ gìn thửa đất nên cần xem xét chia cho bà L một phần. Bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thị Kh thống nhất giao cho bà Lê Thị L và anh Lê Đình Q phần đất đã xây dựng nhà ở có diện tích là 447m^2, trong đó phần của anh Q là 101.4 m^2 phần còn lại 345,6m^2 giao cho bà L sử dụng xem như phần công sức của bà L. Sự tự nguyện của bà Kh không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận. Như vậy phần diện tích đất được chia cho bà Nguyễn Thị Kh là 706m^2 + 101.4 m^2 x 2 = 908,8 m^2 . Sau khi trừ cho phần đất tự nguyện giao cho bà L sử dụng thì phần đất bà Nguyễn Thị Kh được nhận là 563,2 m^2.

Đối với các tài sản, công trình xây dựng trên đất, các đương sự không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kh, bà Lê Thị C, ông Lê Đình N, bà Lê Thị Th, ông Lê Đình Đ về việc được nhận thừa kế tài sản bằng quyền sử thì thấy:

Về điều kiện tách thửa: Tại Công văn số 350/UBND-TNMT ngày 01/3/2022 xác nhận thửa đất đang tranh chấp có mặt tiền giáp đường ĐH6 là 8,4 m nên đủ điều kiện tách thửa. Đ thời phần còn lại của thửa đất giáp đường đất rộng 2m (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Quảng N cấp cho thửa đất số 534, tờ bản đồ số 6, thôn Nhơn Bồi – giáp ranh với thửa đất 515, tờ bản đồ số 9) nên HĐXX xét thấy đủ điều kiện tách thửa theo quy định.

Về hạn mức đất ở: Thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, thôn Nhơn Bồi có hạn mức đất ở là 200m^2. Như vậy: hạn mức đất ở được chia làm 2 phần, ½ hạn mức đất ở thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Kh, ½ hạn mức đất ở còn lại thuộc phần đất là di sản của ông Th. Căn cứ Điều 14, 15 Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng N về việc tách thửa thì thấy việc tách thửa cho từng người sử dụng riêng không đảm bảo quy định về hạn mức đất ở. Tại phiên tòa, anh Lê Đình Q yêu cầu được chia cho anh và bà L sử dụng chung một thửa đất. Bà C - đại diện cho Nguyễn Thị Kh, bà Lê Thị C, ông Lê Đình N, bà Lê Thị Th, ông Lê Đình Đ yêu cầu chia mỗi người sử dụng riêng một thửa nhưng nếu không đảm bảo điều kiện tách thửa thì đề nghị được sử dụng chung. Do đó HĐXX xét thấy cần chia quyền sử dụng chung cho các đương sự theo yêu cầu để đảm bảo quy định về hạn mức đất ở. Theo quy định tại Điều 14 và 15 Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 thì hạn mức đất ở tối thiểu đối với mỗi thửa đất được chia là 40m^2 . Như vậy HĐXX chia cho bà Lê Thị L và anh Lê Đình Q phần đất đã xây dựng nhà ở có diện tích là 447 m^2 trong đó có 40m^2 đất ở. Phần diện tích đất ở còn lại là 60m^2 không đảm bảo điều kiện về tách thửa nếu chia đều

cho bà Kh, bà C, ông N, bà Th, ông Đ nên HĐXX giao cho các đương sự quyền sử dụng chung trong một thửa theo yêu cầu của bà C. Như sau vậy bà bà Kh, bà C, ông N, bà Th, ông Đ được chia quyền sử dụng chung đối với phần diện tích đất 965 m^2 trong đó hạn mức đất ở là 160 m^2. Như vậy phần của bà Nguyễn Thị Kh được nhận là 563,2 m^2, phần của bà Lê Thị C, ông Lê Đình N, bà Lê Thị Th, ông Lê Đình Đ mỗi người được nhận một phần là 101.4 m^2.

Xét tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Duy Xuyên cấp cho hộ ông Lê Đình Th vào ngày 23/01/1995 thì thấy: Năm 1995, thực hiện hiện Nghị định 64/CP ông Lê Đình Th đại diện hộ gia đình kê khai đăng ký tại Sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, thôn Nhơn Bồi, xã Duy Th. UBND huyện Duy Xuyên đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất cho hộ ông Lê Đình Th nhưng không xác định rõ nguồn gốc sử dụng đất để xác định đúng chủ thể được giao quyền sử dụng đất. Tuy nhiên việc chia di sản thừa kế của ông Lê Đình Th theo quy định của pháp luật sẽ làm thay đổi chủ thể sử dụng đất nên không cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng dất đã cấp cho hộ ông Lê Đình Th vào ngày 23/01/1995. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mình được nhận theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018 và Hủy Hợp Đ tặng cho quyền sử dụng đất đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018: Các bên đương sự không Đ ý về việc thực hiện các nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và Hủy Hợp Đ tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên. Bà C yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Lê Đình Th. Xét các đương sự đều thống nhất hủy 02 văn bản nêu trên do không thể thực hiện được nên cần chấp nhận hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018 và Hủy Hợp Đ tặng cho quyền sử dụng đất đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Kh, bà Lê Thị L và bà Lê Thị C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí đối với phần giá trị mà các bà được nhận theo quy định. Ông Lê Đình N, bà Lê Thị Th, ông Lê Đình Đ, anh Lê Đình Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần di sản mà mình được hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 611,612,613, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C:

1. Hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018 và Hủy Hợp Đ tặng cho quyền sử dụng đất đã được UBND xã Duy Th chứng thực ngày 22/01/2018.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Lê Đình Th trong khối tài sản chung của ông Th và bà Kh là 706m^2 (½ quyền sử dụng đất) thuộc thửa đất số 515, tờ bản đồ số 9, thôn Nhơn Bồi.

Chia cho bà Lê Thị L và anh Lê Đình Q quyền sử dụng chung phần đất đã xây dựng nhà ở có diện tích là 447m^2 (trong đó hạn mức đất ở là 40m^2 đất ở và phần di sản của anh Q được chia là 101.4 m^2 có giá trị theo định giá là 258.273.558 Đ, phần còn lại 345,6m^2 là công sức giữ gìn tôn tạo thửa đất của bà Lê Thị L).

Chia cho bà Nguyễn Thị Kh, bà Lê Thị C, ông Lê Đình N, bà Lê Thị Th, ông Lê Đình Đ sử dụng chung phần đất trống chưa xây dựng có diện tích 965 m^2 trong đó hạn mức đất ở là 160 m^2 (trong đó phần của bà Nguyễn Thị Kh là 563,2 m^2 ; bà Lê Thị C, ông Lê Đình N, bà Lê Thị Th, ông Lê Đình Đ mỗi người được chia một kỷ phần 101.4 m^2 có giá trị theo định giá là 258.273.558 Đ).

Có sơ đồ tứ cận kèm theo.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kh, bà Lê Thị L và bà Lê Thị C được miễn án phí DS-ST theo quy định.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 19.500.000 Đ (*mười chín triệu năm trăm nghìn Đ*) tại biên lai thu số số 4910 ngày 04/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Ông Lê Đình N, bà Lê Thị Th, ông Lê Đình Đ, anh Lê Đình Q mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần mà mình được nhận là 12.913.650 Đ (*mười hai triệu chín trăm mười ba nghìn sáu trăm năm mươi Đ*).

Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng N
- VKSND huyện Duy Xuyên
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên.
- Các đương sự.
- Lưu HS –AV.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Minh Phượng